

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-PT

Ngày 07 - 3 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự lý số 122/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Văn M, sinh năm 1957 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Ô, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn:

1. Ông Võ Thanh N, sinh năm 1974 (có mặt).

2. Bà Bùi Lê Mai T1, sinh năm 1974

Cùng cư trú tại: Ấp Ô, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Thanh N: Ông Nguyễn Duy S, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Bùi Lê Mai T1: Ông Võ Thanh N, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp Ô, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1990.
2. Chị Lê Thị T2, sinh năm 1992.
3. Chị Lê Thị T2 Em, sinh năm 1994.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H, chị Lê Thị T2, chị Lê Thị T2 Em: Ông Lê Văn M, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp Ô, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp Ô, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu; trụ sở: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh H3, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đồng nguyên đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L vào ngày 01/10/1985 với chiều ngang 56m, chiều dài 56m, khi chuyển nhượng giữa ông với bà L có làm giấy tay sang bán đất, có nhân chứng chứng kiến. Gia đình ông đã sử dụng phần đất này trên 31 năm nay. Đến năm 2010, bà Nguyễn Thị H1 kê khai đăng ký qua phần đất của ông đang sử dụng có chiều ngang 3,9m, chiều dài 29,2m nhưng gia đình ông không hay biết, sau đó đến năm 2014, bà H1 chuyển nhượng phần đất này cho vợ chồng ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1. Nay, ông M và bà T yêu cầu vợ chồng ông N và bà T1 cùng có nghĩa vụ trả cho ông phần đất có diện tích ngang 3,9m và chiều dài 29,2m, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông N, bà T1 đứng tên và bồi thường thiệt hại do ông N làm hư hỏng đường ống nước bằng số tiền 1.000.000 đồng.

Đồng bị đơn ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp với ông M là do ông bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị

H1, chiều ngang 10m, chiều dài 29,2m, khi chuyển nhượng phần đất trên, giữa ông và bà H1 có làm hợp đồng chuyển nhượng đất, có đo đạc thực tế và hiện nay ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông M yêu cầu ông trả phần đất có chiều ngang 3,9m và chiều dài 29,2m; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đối với phần đất tranh chấp và yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000 đồng thì ông, bà không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền của ông bị đơn Võ Thanh N là ông Nguyễn Duy S trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông N và bà T1, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P, đại diện theo pháp luật ông Phạm Thanh H3 có ý kiến: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 có lời khai trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà bồi đắp, sau đó bà đăng ký và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010, đến năm 2014 bà đã chuyển nhượng phần đất này lại cho ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 với giá 185.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có làm giấy tờ, sau đó ông N và bà T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 35, 39 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 97 của Luật Đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T khởi kiện đòi ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 trả phần đất chiều ngang 3,9m, chiều dài 29,2m. Qua đo đạc phần đất có căn nhà, có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn M, cạnh dài 29,2m;

Hướng Tây giáp đất ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1, cạnh dài 29,2m;

Hướng Nam giáp đất ông Lê Văn M, cạnh ngang 3,9m;

Hướng Bắc giáp Lộ sau chợ Nhà Lồng P, cạnh ngang 3,9m.

Tổng diện tích đất tranh chấp là 113,8m² thuộc thửa số 82, tờ bản đồ số

86 tọa lạc ấp Ô, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T khởi kiện đòi hủy 1 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 diện tích chiều ngang 3,9m, chiều dài 29,2m thuộc thửa số 82, tờ bản đồ 86 tọa lạc ấp Ô, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T khởi kiện đòi ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 bồi thường thiệt hại về việc làm hư hại đường ống nước bằng số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí, điều luật thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 đồng nguyên đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà đối với ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà đối với ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1. Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn M cạnh dài 29,2m;

Hướng Tây giáp đất ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1, cạnh dài 29,2m;

Hướng Nam giáp đất ông Lê Văn M, cạnh ngang 3,9m;

Hướng Bắc giáp Lộ sau chợ Nhà Lồng P, cạnh ngang 3,9m.

[4] Tổng diện tích đất tranh chấp là 113,8m², thuộc thửa số 82, tờ bản đồ số 86 tọa lạc ấp Ô, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Theo ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T xác định, nguồn gốc phần đất tranh chấp do ông, bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L; ông, bà đã sử dụng phần đất này trên 31 năm, nhưng đến năm 2010 bà Nguyễn Thị H1 kê khai, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lấn qua đất của ông bà phần đất chiều ngang 3,9m, chiều dài 29,2m. Đến năm 2014 bà H1 chuyển nhượng phần đất này lại cho ông N và bà T1. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông M có cung cấp cho Tòa án lời khai của những người làm chứng, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M. Đồng thời để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông N cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N và hồ sơ chuyển nhượng đất của bà H1 cho ông N.

[6] Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M, do ông M cung cấp cho Tòa án thể hiện: ngày 26/5/2003 ông M có đơn gửi đến cơ quan chức năng xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 19/6/2003 Phòng địa chính huyện P đo đạc phần đất của ông M (kèm theo bản vẽ) có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị H1 và một số người khác và có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P; ông M không kê khai đăng ký phần đất tranh chấp; Phòng địa chính không có đo đạc. Do đó, ông M chỉ được cấp phần đất ông kê khai đăng ký. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M thừa nhận ông không kê

khai đăng ký phần đất tranh chấp vì theo ông phần đất này là đất công cộng không được cấp giấy nên ông không đăng ký. Đến ngày 07/01/2004, ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn phần đất tranh chấp ông không được cấp giấy chứng nhận. Năm 2010, bà H1 mới kê khai đăng ký có cả phần đất tranh chấp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản đo đạc ngày 19/3/2003 do ông M cung cấp thể hiện khi đo đạc đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có sự chứng kiến của bà H1 và một số hộ dân khác, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn P với chiều ngang của phần đất tại thửa 591, tờ bản đồ số 13 điểm M1M2 là 36,3m là phù hợp với thực tế đất ông M và bà T đang quản lý, sử dụng theo sự thừa nhận của ông M.

[7] Mặt khác, tại Công văn số 42/UBND ngày 03/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P (bút lục số 302) xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H1 vào năm 2010 tại thửa số 82, tờ bản đồ số 86 là đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định tại thời điểm cấp. Công văn số 201/UBND ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P (bút lục số 201) xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 tại thửa số 82 tờ bản đồ số 86 là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Phần đất của ông M, bà T kê khai, đăng ký trước đây qua đo đạc có chiều ngang 36,3m, còn hiện tại ông M đang quản lý, sử dụng chiều ngang là 36,4m là phù hợp, phần đất ông M, bà T không bị mất đất do đó việc ông M, bà T cho rằng bà H1 lấn đất của ông bà là chưa có căn cứ.

[8] Quá trình sử dụng đất: Ông M, bà T xác định ông bà sử dụng 31 năm là không có cơ sở vì chính bản thân ông bà xác định đây là phần đất công cộng do trước đây là đất để trống; năm 2010 khi bà H1 kê khai đăng ký đất vẫn còn trống đến khi bà H1 chuyển nhượng cho ông N bà T1 thì ông N bà T1 sử dụng cho đến nay.

[9] Đối với yêu cầu của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T đòi ông N và bà T1 bồi thường thiệt hại giá trị đường ống nước bằng số tiền 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông M và bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho đường ống nước này là của ông bà và người gây thiệt hại là ông N. Đồng thời, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông N, bà T1 và tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P thể hiện trên đất tranh chấp có 01 đường ống nhựa đen phi 300 dài 6m nằm trên phần đất tranh chấp nên yêu cầu của ông M và bà T đòi ông N và bà T1 bồi thường thiệt hại về đường ống nước số tiền 1.000.000 đồng là chưa có cơ sở chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định: “...*tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét giá trị quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch*”. Đối chiếu quy định trên, do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M và bà T nên ông M và bà T chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông M và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 7.850.000 đồng là không đúng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M, bà T nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần án phí.

[11] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T, có căn cứ chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về án phí

[12] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T nên ông M và bà T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 97 của Luật Đất đai; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T đòi ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 trả phần đất chiều ngang 3,9m, chiều dài 29,2m. Qua đo đạc phần đất có căn nhà, có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn M cạnh dài 29,2m;

Hướng Tây giáp đất ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1, cạnh dài 29,2m;

Hướng Nam giáp đất ông Lê Văn M, cạnh ngang 3,9m;

Hướng Bắc giáp Lộ sau chợ Nhà Lồng P, cạnh ngang 3,9m.

Tổng diện tích đất tranh chấp là 113,8m², thuộc thửa số 82, tờ bản đồ số 86 tọa lạc ấp Ô, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T đòi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 diện tích chiều ngang 3,9m, chiều dài 29,2m thuộc thửa số 82, tờ bản đồ 86 tọa lạc ấp Ô, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T đòi ông Võ Thanh N và bà Bùi Lê Mai T1 bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm bằng số tiền 1.000.000 đồng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T chịu 950.000 đồng. Ông M và bà T đã nộp xong.

5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T phải chịu 600.000 đồng. Ông M và bà T đã nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng theo Biên lai thu số 0002958 ngày 15 tháng 02 năm 2017 và Biên lai thu số 0002999 ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, được chuyển thu án phí.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T không phải chịu. Ông M và bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013744 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện P (01 bản);
- CCTHADS huyện P (01 bản);
- Các đương sự (09 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trương Thanh Dũng Cao Thị Túy Giang

Nguyễn Lệ Kiều

